

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế ; Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **BẠCH NGỌC THẮNG.**

2. Ngày tháng năm sinh: 29/07/1980; Nam ; ☒ Nữ ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Căn hộ A19.09, tòa nhà Hồ Gươm Plaza, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Căn hộ A19.09, tòa nhà Hồ Gươm Plaza, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 035 443 1750; E-mail: thangbn@neu.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2004 đến năm 2014: Giảng viên, Bộ môn Marketing và Quản trị vận hành, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Từ năm 2014 đến năm 2019: Giảng viên, Viện Quản lý Châu Á – Thái Bình Dương, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Từ năm 2019 đến nay: Giảng viên, Viện Phát triển Bền vững, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Không.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Địa chỉ cơ quan: 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024. 36 280 280.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Thăng Long.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 06 năm 2002; số văn bằng: 378347; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế phát triển; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 05 tháng 12 năm 2005; số văn bằng: 05-229; ngành: Kinh tế phát triển; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, và Viện Khoa học Xã hội, The Hague – Hà Lan.

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 07 năm 2014; số văn bằng: 42185569; ngành: Kinh tế học; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Queensland, Australia.

- Được cấp bằng TSKH ngày; số văn bằng:.....; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Đại học Queensland, Australia.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Tăng trưởng và phát triển kinh tế;
- Thể chế kinh tế và quản trị công; và

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 07 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp cơ sở; 01 đề tài cấp Bộ.
- Đã công bố (số lượng) 22 bài báo khoa học; trong đó có 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, bao gồm 07 bài báo nằm trong danh mục tạp chí ISI (SSCI), 02 bài báo thuộc danh mục tạp chí ISI(ESCI)/Scopus, và 02 bài báo thuộc tạp chí của Nhà xuất bản Emerald; 09 bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín trong nước; và 02 bài báo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 07, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng năm học 2018- 2019.
- Giấy khen của Hiệu trưởng năm học 2019- 2020.
- Giấy khen báo cáo khoa học xuất sắc nhất tại Hội thảo quốc tế CIEMB 2019, tổ chức tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ năm 2004, tôi được nhận làm giảng viên Bộ môn Marketing và Quản trị Vận hành, Viện Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Đầu năm 2010, tôi nhận được học bổng Australian Leadership Award (ALA) của Chính phủ Australia để theo học Chương trình Tiến sĩ Kinh tế học tại Đại học Queensland. Đến năm 2014, tôi nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế học của Đại học Queensland và chuyển sang làm giảng viên của Viện Quản lý Châu Á – Thái Bình Dương, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kể từ đó, tôi tích cực tham gia hoạt động giảng dạy cả ở bậc đại học và sau đại học tại trường, bên cạnh hoạt động hướng dẫn, và chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học. Tôi cũng là giáo viên thỉnh giảng cho các khóa đào tạo sau đại học tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, và Trường Đại học Thăng Long. Kể từ năm 2019 đến nay, tôi là giảng viên

Viện Phát triển Bền vững, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Tôi xin tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo trên các mặt công tác sau.

- Về giảng dạy, hướng dẫn: Tôi luôn chủ động, tích cực tham gia các hoạt động giảng dạy và hướng dẫn học viên cả ở bậc đại học và sau đại học. Các môn học tôi tham gia giảng dạy nằm trong hai nhóm chính là Kinh tế học (Kinh tế vĩ mô, Kinh tế quốc tế), và Phương pháp nghiên cứu (Lý thuyết thống kê, Kinh tế lượng). Tôi tôi phụ trách gồm cả giảng dạy bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh. Tôi luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ giảng dạy được giao, và được sinh viên, cao học viên, nghiên cứu sinh đánh giá tốt về tinh thần trách nhiệm và tính hiệu quả trong công tác giảng dạy. Bên cạnh hoạt động giảng dạy, tôi có tham gia hướng dẫn sinh viên, cao học viên và nghiên cứu sinh, trong đó có hoạt động hướng dẫn bằng tiếng Anh tại Viện Đào Quốc tế, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, và Chương trình Tiến sĩ bằng tiếng Anh E-PhD.

- Về nghiên cứu khoa học: Kể từ khi nhận bằng Tiến sĩ vào năm 2014, tôi đã có ba đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu, trong đó có chủ nhiệm hai đề tài cấp cơ sở và tham gia một đề tài cấp Bộ. Tôi luôn đề cao sự trung thực, hội nhập quốc tế, khả năng cộng tác, tính mới, và ý nghĩa thực tiễn trong nghiên cứu khoa học. Các đề tài và các bài báo nghiên cứu của tôi đều có sự tham gia rộng rãi của các nhà nghiên cứu có uy tín cả ở trong và ngoài nước. Các kết quả nghiên cứu của tôi đã được đăng tải ở các tạp chí có uy tín cả ở trong nước và quốc tế, chẳng hạn như *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, *World Development*, *The Economics of Transition and Institutional Change*, *The Journal of Development Studies*, *The Developing Economies*, bên cạnh một số tạp chí khác. Hàng năm, tôi đều hoàn thành vượt mức số giờ nghiên cứu khoa học, và hai lần được Hiệu trưởng tặng bằng khen về thành tích nghiên cứu khoa học trong năm học 2018 – 2019 và 2019 – 2020.

- Về phát triển cộng đồng nghiên cứu khoa học: Tôi có năng lực và kinh nghiệm tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trọng nước và quốc tế. Tôi là thành viên hội đồng khoa học của một số hội thảo quốc tế có uy tín, chẳng hạn như *International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business* (CIEMB) tổ chức tại Đại học Kinh tế Quốc dân từ năm 2018 đến nay, và *Vietnam's Business and Economics Research Conference* (VBER) tổ chức tại Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2017. Tôi còn là thành viên hội đồng biên tập Tạp chí *Journal of Science: Economics and Business Administration* của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, tôi có tham gia làm phản biện cho các tạp chí quốc tế có uy tín ở cả trong nước và quốc tế, chẳng hạn như *Tạp chí Kinh tế và Phát triển* (cả số tiếng Việt và tiếng Anh), *Singapore Economic Review*, *Economic Change and Restructuring*, *Journal of the Asia Pacific Economy*, và *International Journal of Development Issues*.

- Về các hoạt động khác: Tôi tích cực tham gia các hoạt động công đoàn và đoàn thể của trường.

- Về phẩm chất, đạo đức: Tôi luôn có ý thức bồi dưỡng phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp của một giảng viên đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 17 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016			04		120	237	357/896,5/270
2	2016-2017			01		30	225	255/528,5/270
3	2017-2018		01	02		45	180	225/625/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019		01		08	45	100	145/428,5/270
5	2019-2020		01		12	135	75	210/548,5/270
6	2020-2021				16	270	0	270/520,5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Australia năm 2014.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; ☒ Diễn giải: (i) Học và bảo vệ Luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh tại Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Trường Đại học Kinh tế Quốc

dân, (ii) Giảng dạy bằng tiếng Anh tại Chương trình Tiến sỹ bằng Tiếng Anh E-PhD, Chương trình Cử nhân Quốc tế IBD@NEU, và (ii) Hướng dẫn Đề án môn học và Chuyên đề tốt nghiệp bằng Tiếng Anh tại Chương trình Cử nhân Quốc tế IBD@NEU.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Nhân Chính		X	X		2015 - 2016	Trường Đại học KTQD	QĐ công nhận tốt nghiệp, ngày 19/01/2017
2	Lê Minh Tùng		X	X		2015 - 2016	Trường Đại học KTQD	QĐ công nhận tốt nghiệp, ngày 19/01/2017
3	Trần Thị Liên		X	X		2015 – 2016	Trường Đại học KTQD	QĐ công nhận tốt nghiệp, ngày 02/03/2016
4	Nguyễn Đức Khiêm		X	X		2015 - 2016	Trường Đại học KTQD	QĐ công nhận tốt nghiệp, ngày 08/01/2016
5	Vũ Thị Biên		X	X		2016 - 2017	Trường Đại học KTQD	QĐ công nhận tốt nghiệp, ngày 10/01/2017
6	Hoàng Ngọc Thắng		X	X		2017 - 2018	Trường Đại học KTQD	QĐ công nhận tốt nghiệp, ngày 17/05/2019
7	Phạm Thị Phương Cúc		X	X		2017 - 2018	Trường Đại học KTQD	QĐ công nhận tốt nghiệp, ngày 17/05/2019
8	Nguyễn Bá Nhẫn	X			X	2017 - 2020	Trường Đại học KTQD	QĐ công nhận học vị, ngày 31/08/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Ảnh hưởng của tiến bộ công nghệ đến tăng trưởng kinh tế	CK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2005	06		Chương 6, Phân tích hiệu quả kỹ thuật của ngành sắt thép ở Việt Nam, trang 171 - 185	
2	Technical efficiency and productivity growth in Vietnam: Parametric and nonparametric analysis	CK	The publishing house of social labour, 2007	08		Chương 6, An analysis of technical efficiency for the hotel industry in Vietnam, trang 137-164	
3	Các mô hình ước lượng hiệu quả của các nghiên cứu khoa học	CK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2007	10		Chương 6, Xác định mục tiêu hiệu quả cho đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế và giáo dục, trang 170 - 195	
4	Tình huống về quản trị kinh doanh	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2010			Cơ cấu tổ chức quản lý dự án của Công ty HS, trang 188-193 và 282-284	

II	Sau khi được công nhận TS						
1	Giáo trình ứng dụng một số lý thuyết trong nghiên cứu kinh tế (Dành cho chương trình tiến sĩ)	GT	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	11		Chương 10, Phương trình hấp dẫn trong lý thuyết thương mại hiện đại, trang 353 - 389	
2	Mô hình quản trị tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam	CK	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2017	08		<i>Chương 1</i> "Những vấn đề lý luận cơ bản về Tập đoàn kinh tế tư nhân và quản trị tập đoàn kinh tế tư nhân", trang 9-88. <i>Chương 3</i> "Ảnh hưởng của quản trị tới kết quả kinh doanh của Tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam", trang 184-233	
3	Việc làm và gia nhập thị trường lao động của giới trẻ: Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020	06	X	Chương 1 "Giới thiệu chung" (18-28), Chương 8 "Kết quả đa chiều của lao động trẻ tốt nghiệp giáo dục (213-238)	

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Tác động của “thể chế quản lý điều hành cấp tỉnh” đối với sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam: Thực trạng và giải pháp (Subnational governance institutions and the development of private enterprises in Vietnam)	CN	KTQD/E2016.13, Cấp cơ sở	03/2016- 03/2017	14/03/2017, Xuất sắc
2	Tác động của giáo dục bậc cao đến lao động trẻ khi tham gia trên thị trường lao động (Higher education’s impacts on youth employment in the labor market)	CN	KTQD/E2018.02, Cấp cơ sở	01/2018 – 03/2019	21/05/2019, Tốt
3	Tác động của thể chế đến tăng trưởng kinh tế địa phương cấp tỉnh ở Việt Nam	TK	B2017.KHA.20, cấp Bộ	06/2017 – 07/2019	02/08/2019, Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Technical efficiency of small and medium manufacturing firms in Vietnam: Parametric and non-parametric approaches	03		The Korean Economic Review/ 0254-3737(ISSN)	ISI (SSCI), Scopus (IF 0.174, Q3)	21	23, 1, 187-221	2007
2	Quy trình ươm tạo và cơ chế tài trợ vốn cho vườn ươm doanh nghiệp trong trường đại học	01	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 1859-0012 (ISSN)			49-52	2008
II Sau khi được công nhận TS								
1	Lựa chọn nào cho chính sách tiền tệ ở Việt Nam?	03	Tác giả chính	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Kinh tế-xã hội Việt Nam năm 2015: Cơ hội và thách thức trước thềm hội nhập mới, 978-604-946-058-6 (ISBN)			Bài số 6, trang 103-111	2016
2	Tham nhũng dựa trên "cấu kết" và định hướng mới trong phòng chống tham nhũng ở Việt Nam	04		Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 1859-0012 (ISSN)		5	241, 10-16	2017

3	Local governance, corruption, and public service quality: Evidence from a national survey in Vietnam	04		International Journal of Public Sector Management, 0951-3558 (ISSN)	ISI (ESCI), Scopus (IF 1.962, Q1)	32	30, 2, 137-153	2017
4	Subnational governance institutions and the development of private manufacturing enterprises in Vietnam	01	Tác giả chính	Journal of Economics and Development, 1859-0020 (ISSN)	NXB Emerald	2	19, 1, 5-24	2017
5	Hành vi lựa chọn khu vực làm việc của lao động trẻ tốt nghiệp giáo dục bậc cao: Kết quả từ một cuộc khảo sát cấp quốc gia ở Việt Nam	01	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 1859-0012 (ISSN)			253, 50-58	2018
6	Các nhân tố ảnh hưởng đến nỗ lực tìm kiếm việc làm của người lao động	02	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, 0866-7489 (ISSN)			9, 484, 53-61	2018
7	Tín dụng thương mại và kết quả hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong giai đoạn thắt chặt tín dụng	01	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 1859-0012 (ISSN)			258, 45-54	2018

8	Trade-related R&D spillovers in Vietnamese manufacturing	01	Tác giả chính	International Economic Journal	ISI (ESCI), Scopus (IF 0.8, Q3)	2	32, 3, 438-453	2018
9	Multi-dimensional labour market outcomes of higher education's graduates: Evidence from a national survey in Vietnam	02	Tác giả chính	Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Socio-economic and environmental issues in development", lần thứ 10, 978-604-65-4174-5 (ISBN)			Báo cáo số 53, trang 631 - 649	2019
10	Vietnamese ethnic networks and Australia-Vietnam bilateral trade	02	Tác giả chính	Vietnam's Socio-Economic Development – A Social Science Review, 0868-359X (ISSN)			24, 1, 3-29	2019
11	State-owned enterprises and capital misallocation in Vietnam	01	Tác giả chính	Journal of the Asia Pacific Economy, 1354-7860 (ISSN)	ISI(SSCI), Scopus (IF 0.877, Q2)	5	24, 3, 430-451	2019
12	Ảnh hưởng của tổ chức công đoàn đến hoạt động đào tạo tại nơi làm việc: Bằng chứng từ số liệu khớp nối giữa người lao động và doanh nghiệp	01	Tác giả chính	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, 0866-7489 (ISSN)			12 (499), 28-36	2019
13	Tổ chức công đoàn và hoạt động đổi mới của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	01	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 1859-0012 (ISSN)			272, 13-22	2020

14	Ảnh hưởng của công đoàn đến cấu trúc vốn của doanh nghiệp	01	Tác giả chính	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới, 0868-2984 (ISSN)			1 (285), 15-26	2020
15	The Effect of Market Competition on Bribery in Emerging Economies: An Empirical Analysis of Vietnamese Firms	04		World Development, 0305-750X (ISSN)	ISI (SSCI), Scopus (IF 3.869, Q1)	5	131	2020
16	Rent sharing, investment, and collective bargaining: Evidence from employee-level data in Vietnam	03	Tác giả chính	The Developing Economies, 1746-1049 (ISSN)	ISI (SSCI), Scopus (IF 0.84, Q3)		59, 1, 3-38	2020
17	Informal Short-term Borrowings and Small and Medium Enterprises' Performance in a Credit Crunch: Evidence from Vietnam	03	Tác giả chính	The Journal of Development Studies, 0022-0388 (ISSN)	ISI (SSCI), Scopus (IF 1.596, Q1)	2	1 - 15	2020
18	How credit constraints affect small and medium enterprises' strategic employment decisions and employees' labor outcomes: Evidence from Vietnam	03	Tác giả chính	The Economics of Transition and Institutional Change, 2577-6983 (ISSN)	ISI(SSCI), Scopus (IF 0.943, Q2)		29, 2, 319-341	2021

19	Do different political connections affect firms' distress risk differently?	04		International Journal of Emerging Markets, 1746-8809 (ISSN)	ISI (SSCI), Scopus (IF 1.022, Q2)	1	EarlyCite	2021
20	Sub-national union coverage and the youth's labor market outcomes: evidence from a national survey in Vietnam	04	Tác giả chính	Journal of Economics and Development, 1859-0020 (ISSN)	NXB Emerald		EarlyCite	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 05 bài báo.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận TS						
1							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 ☐ CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bạch Ngọc Thắng